

HỒ SƠ YÊU CẦU

DỊCH VỤ KHÁM SỨC KHOẺ CHO LAO ĐỘNG NẶNG NHỌC, NHÂN VIÊN NUÔI QUÂN VÀ CHUYÊN ĐỀ PHỤ NỮ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quy định số 1313/QyĐ -CTCP397 ngày 01/7/2024
của Công ty cổ phần 397)

HỒ SƠ YÊU CẦU DỊCH VỤ KHÁM SỨC KHOẺ

Tên gói thầu:	Khám sức khỏe cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và chuyên đề phụ nữ năm 2026
Dự án/dự toán mua sắm:	Khám sức khỏe cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và chuyên đề phụ nữ năm 2026
Phát hành ngày:	22/06/2026
Ban hành kèm theo Quyết định:	Số: 1323/QĐ-CTCP397 ngày 22 tháng 06 năm 2026

CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC



Kiều Văn Sinh

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Giải thích
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSDX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
Quy định của công ty cổ phần 397	Quy định Về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần 397 ban hành kèm theo Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Giám đốc công ty cổ phần 397; Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024.
VND	Đồng Việt Nam
ATVSLĐ	An toàn, vệ sinh lao động
CĐT	Chủ đầu tư
CTCP397	Công ty cổ phần 397

Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Công ty cổ phần 397 mời nhà thầu có đủ năng lực nhận HSYC tham dự gói thầu: Khám sức khỏe cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và chuyên đề phụ nữ năm 2026 thuộc kế hoạch Khám sức khỏe cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và chuyên đề phụ nữ năm 2026.

2. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất năm 2026 của Công ty cổ phần 397.

3. Thời gian thực hiện gói thầu: trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 13 Quy định mua sắm thường xuyên.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu được coi là có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy định mua sắm thường xuyên.

Có đăng ký hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh/dịch vụ y tế; có giấy phép hoạt động KBCB và phạm vi chuyên môn phù hợp với nội dung gói thầu.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến chủ đầu tư trước ngày có thời điểm đóng thầu. Nội dung làm rõ HSYC được thể hiện bằng văn bản.

2. Trường hợp sửa đổi HSYC, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa chủ đầu tư và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX

Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, thuật ngữ, thông số, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị HSDX của mình gồm tất cả thông tin, tài liệu theo quy định của HSYC, bao gồm:

1. Đơn đề xuất chỉ định thầu theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Thỏa thuận liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) theo Mẫu số 03 Chương III;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu của nhà thầu, của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu;
4. Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 8 Chương này;
5. Đề xuất về giá theo Mẫu số 04b Chương III;
6. Hồ sơ pháp lý về hoạt động KBCB, danh mục kỹ thuật, phạm vi chuyên môn, điều kiện thực hiện khám sức khỏe.
7. Danh sách nhân sự chủ chốt kèm giấy phép hành nghề, bằng cấp/chứng chỉ, cam kết huy động.
8. Danh mục thiết bị y tế, phương tiện khám lưu động, hồ sơ thiết bị, an toàn bức xạ, kiểm định/hiệu chuẩn/bảo dưỡng.

Mục 7. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn đề xuất chỉ định thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu: Khám sức khỏe cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và chuyên đề phụ nữ năm 2026 của Công ty Cổ phần 397.

Giá dự thầu là giá đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, lệ phí nếu có, áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại theo Mẫu số 04b, Chương III, bao gồm cả đơn giá (nếu có), thành tiền.

Nhà thầu không được chào thiếu danh mục, không được tách riêng từng phần công việc nếu Hồ sơ yêu cầu không cho phép. Trường hợp nhà thầu chào thiếu nội dung khám, thiếu chi phí cần thiết hoặc không thể hiện rõ đơn giá, thành tiền đối với từng nội dung theo mẫu yêu cầu thì chủ đầu tư sẽ xem xét, đánh giá theo quy định của Hồ sơ yêu cầu.

Mục 8. Thành phần đề xuất kỹ thuật

Nhà thầu phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Chương IV để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.

Mục 9. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất là 45 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, chủ đầu tư có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 10. Quy cách và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và 01 bản chụp Hồ sơ đề xuất, ghi rõ “Bản gốc Hồ sơ đề xuất” và “Bản chụp Hồ sơ đề xuất” tương ứng.

Bên ngoài túi đựng Hồ sơ đề xuất phải ghi rõ:

- Tên gói thầu: Khám sức khỏe cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và khám chuyên đề phụ nữ năm 2026 của Công ty Cổ phần 397;

- Tên nhà thầu:

- Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần 397;

- Dòng chữ: “Không được mở trước thời điểm mở thầu”.

Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 6 Chương I phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký, đóng dấu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thỏa thuận liên danh.

3. Những chữ ghi thêm, ghi chèn, sửa chữa, tẩy xóa hoặc viết đè trong Hồ sơ đề xuất phải có chữ ký xác nhận của người ký Đơn đề xuất chỉ định thầu tại vị trí sửa chữa hoặc tại trang có nội dung sửa chữa.

Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu

1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của chủ đầu tư nhưng phải đảm bảo chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu:

- Thời điểm đóng thầu: 09 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 06 năm 2026.

2. Mở thầu:

Chủ đầu tư tiến hành mở Hồ sơ đề xuất công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu.

Chủ đầu tư chỉ mở các Hồ sơ đề xuất nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu nếu có. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của nhà thầu.

Việc mở thầu được thực hiện đối với từng Hồ sơ đề xuất theo trình tự sau:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu:

- Tham dự độc lập hay liên danh;
- Số lượng bản gốc, bản chụp;
- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;
- Giá trị giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSDX;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của chủ đầu tư và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu nộp HSDX. Đại diện của chủ đầu tư phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDX.

Mục 12. Nhà thầu phụ

1. Trường hợp nhà thầu cần sử dụng nhà thầu phụ thì phải kê khai danh sách thầu phụ theo Mẫu số 10a Chương III. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu.

Các công việc có thể đề xuất sử dụng nhà thầu phụ, nếu được chấp thuận, chỉ giới hạn trong các phần việc mang tính hỗ trợ hoặc chuyên môn kỹ thuật riêng biệt như xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, vận chuyển mẫu, xử lý chất thải y tế hoặc nội dung khác phù hợp với quy định pháp luật và Hồ sơ yêu cầu.

Nhà thầu chính vẫn phải chịu trách nhiệm toàn diện trước Công ty Cổ phần 397 về khối lượng, chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo mật thông tin sức khỏe người lao động và các nghĩa vụ khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện.

Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách đã kê khai chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng và phải được chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá 20% giá dự thầu của nhà thầu.

Mục 13. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trong quá trình đánh giá, Chủ đầu tư mời nhà thầu đến thương thảo (nếu có), làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu. Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm

đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính của nhà thầu, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có Hồ sơ đề xuất hợp lệ theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu.
2. Có tư cách hợp lệ, có giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi chuyên môn phù hợp với nội dung khám sức khỏe cho người lao động của Công ty Cổ phần 397.
3. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu.
4. Có đội ngũ bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên, nhân viên y tế đủ trình độ chuyên môn, giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ phù hợp với nhiệm vụ được phân công.
5. Có đầy đủ thiết bị, máy móc, phương tiện, vật tư, hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm và điều kiện kỹ thuật để thực hiện các nội dung khám sức khỏe theo yêu cầu.
6. Có phương án tổ chức khám phù hợp với điều kiện sản xuất, đặc thù lao động khai thác than lộ thiên và khối văn phòng của Công ty Cổ phần 397.
7. Có giá trị phần sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu.
8. Có giá đề nghị chỉ định thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá nếu có không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Websites chính thức của Công ty cổ phần 397, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu kèm theo dự thảo hợp đồng và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng đến nhà thầu trúng thầu.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

Việc ký kết hợp đồng giữa Công ty Cổ phần 397 và nhà thầu được lựa chọn chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Tại thời điểm ký kết, Hồ sơ đề xuất của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết, nhà thầu được lựa chọn vẫn bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực pháp lý, năng lực chuyên môn, nhân sự, thiết bị, tài chính và các điều kiện cần thiết để thực hiện gói thầu.
3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn thanh toán và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Không áp dụng

Mục 18. Giải quyết kiến nghị

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu trên cơ sở tuân thủ quy định mua sắm thường xuyên.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị

a) Người có thẩm quyền: Ông Kiều Văn Sinh - Giám đốc Công ty cổ phần 397.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: Khu Yên Lãng 1, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh.

c) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Khu Yên Lãng 1, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh.

d) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc: Công ty cổ phần 397, Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh.

3. Đơn kiến nghị phải ghi rõ nội dung kiến nghị, căn cứ kiến nghị, tài liệu chứng minh nếu có, tên và địa chỉ liên hệ của nhà thầu. Việc giải quyết kiến nghị được thực hiện theo trình tự, thời hạn và thẩm quyền của quy định mua sắm thường xuyên.

Mục 19. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Không áp dụng

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn đề xuất chỉ định thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
- d) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này (Mẫu số 04b, Chương III);
- đ) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.
- e) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Đơn vị mua sắm đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDX, nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại HSYC để làm cơ sở đánh giá HSDX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam (Vietinbank) tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 10b Chương III. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ khám sức khoẻ không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này
3	Kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ khám sức khoẻ tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là hợp đồng: - Có tính chất tương tự: hợp đồng khám sức khoẻ; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 127.137.950 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)
					Mẫu số 06
					Cam kết trong đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh nghĩa vụ thuế

* Không thực hiện yêu cầu về doanh thu đối với gói thầu này

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSĐX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian và bị xử lý theo quy định.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 07a, 07b và 07c Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn
1	Trưởng đoàn khám	01	Tối thiểu 05 năm kinh nghiệm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cơ quan, doanh nghiệp; chịu trách nhiệm điều phối, ký/kiểm soát kết luận chung.	Bác sĩ chuyên khoa I, có giấy phép hành nghề còn hiệu lực; ưu tiên chuyên khoa Nội/Y học lao động/Y học dự phòng/Đa khoa.
2	Bác sĩ khám lâm sàng tổng quát/nội khoa	01	Tối thiểu 03 năm kinh nghiệm thực hiện khám nội, huyết áp, tim phổi, tiêu hóa, tiết niệu, thần kinh, tư vấn nguy cơ nghề nghiệp.	Bằng cấp, giấy phép hành nghề còn hiệu lực
3	Bác sĩ chuyên khoa: mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, da liễu, ngoại/cơ xương khớp	03 vị trí chuyên môn hoặc bố trí bác sĩ có phạm vi hành nghề phù hợp	Tối thiểu 03 năm kinh nghiệm Đủ năng lực khám chuyên khoa theo mẫu khám sức khỏe định kỳ; có thể kiêm nhiệm khi phạm vi hành nghề cho phép nhưng không làm giảm chất lượng và tiến độ.	Bằng cấp, giấy phép hành nghề còn hiệu lực
4	Bác sĩ/Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh/siêu âm	01	Tối thiểu 03 năm kinh nghiệm đọc, mô tả và ký kết quả siêu âm ổ bụng, tuyến vú; phổi hợp tư vấn trường hợp bất thường.	Bằng cấp, giấy phép hành nghề còn hiệu lực
5	Bác sĩ/Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh/X-quang	01	Tối thiểu 03 năm kinh nghiệm đọc phim X-quang ngực kỹ thuật số; chịu trách nhiệm chất lượng ảnh và kết luận.	Bằng cấp, giấy phép hành nghề còn hiệu lực
6	Bác sĩ sản phụ khoa	01	Tối thiểu 03 năm kinh nghiệm thực hiện khám/chi định/đọc kết quả chuyên đề phụ nữ,	Bằng cấp, giấy phép hành nghề còn hiệu lực

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn
			soi cổ tử cung, tư vấn bất thường.	
7	Bác sĩ/Kỹ thuật viên xét nghiệm	02	Tối thiểu 03 năm kinh nghiệm kinh nghiệm vận hành máy huyết học, sinh hóa, miễn dịch, nước tiểu; chịu trách nhiệm lấy mẫu, mã hóa mẫu, QC và trả kết quả.	Bằng cấp, giấy phép hành nghề còn hiệu lực
8	Điều dưỡng/kỹ thuật viên hỗ trợ khám	05	Tối thiểu 03 năm kinh nghiệm kỹ thuật hoặc chuyên môn phù hợp; tiếp đón, đo dấu hiệu sinh tồn, lấy máu, hướng dẫn mẫu nước tiểu, kiểm soát luồng khám.	Bằng cấp, giấy phép hành nghề còn hiệu lực
9	Nhân sự hành chính, nhập liệu, trả kết quả	01	Tối thiểu 03 năm kinh nghiệm Thành thạo phần mềm/văn bản; bảo mật thông tin cá nhân; tổng hợp danh sách, phiếu khám, báo cáo phân loại sức khỏe.	Bằng cấp, giấy phép hành nghề còn hiệu lực
10	Nhân viên phụ trách an toàn bức xạ khi vận hành X-quang	01	Tối thiểu 03 năm kinh nghiệm	Phải được bổ nhiệm bằng văn bản, có <i>Chứng chỉ nhân viên bức xạ</i> (do Cục An toàn bức xạ và Hạt nhân cấp) và có giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ dành riêng cho người phụ trách. Phải có chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ (định kỳ gia hạn 3 năm/lần)

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 07d Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy siêu âm 2D kỹ thuật số: Có tối thiểu đầu dò convex dài tần khoảng 3,5–5 MHz và đầu dò linear dài tần khoảng 7,5–12 MHz hoặc tương đương; thực hiện được khảo sát ổ bụng, hệ tiết niệu – sinh dục, tuyến giáp, tuyến vú và mô mềm theo danh mục khám. Máy có khả năng lưu, ghi hoặc xuất hình ảnh; có máy in hoặc phương thức xuất file kết quả; màn hình hiển thị rõ; hoạt động ổn định tại điểm khám lưu động.	1
2	Máy điện tim kỹ thuật số 12 chuyển đạo: Thu nhận đồng thời 12 chuyển đạo điện tim chuẩn; có tốc độ giấy tối thiểu 25 mm/s và 50 mm/s; độ nhạy tối thiểu 5 mm/mV, 10 mm/mV và 20 mm/mV; có bộ lọc nhiễu điện lưới, nhiễu cơ và trôi đường nền; có khả năng in kết quả tại chỗ, lưu trữ hoặc xuất dữ liệu. Có pin hoặc nguồn điện dự phòng; đầy đủ giấy in, dây điện cực, điện cực chi, điện cực ngực, gel hoặc vật tư tiếp xúc cần thiết.	2
3	Xe hoặc hệ thống X-quang kỹ thuật số: Phù hợp chụp X-quang ngực thẳng tại điểm khám; sử dụng detector DR, CR hoặc công nghệ kỹ thuật số tương đương; bảo đảm chất lượng hình ảnh phục vụ chẩn đoán. Có phần mềm lưu trữ, truy xuất, điều chỉnh ảnh và gắn thông tin người lao động với hình ảnh X-quang. Nhà thầu phải có đầy đủ hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động bức xạ; bố trí khu vực kiểm soát, biển báo, rào chắn hoặc biện pháp hạn chế người không có nhiệm vụ vào khu vực chụp; có phương tiện bảo hộ bức xạ, liều kế cá nhân cho nhân viên bức xạ, người phụ trách an toàn bức xạ và phương án xử lý sự cố bức xạ.	1
4	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động hoặc bán tự động: Thực hiện được tối thiểu các xét nghiệm glucose, ure, creatinin, acid uric, cholesterol toàn phần, triglycerid, HDL-C, AST, ALT và GGT. Có quy trình hiệu chuẩn, nội kiểm chất lượng hằng ngày, theo dõi kết quả nội kiểm và xử lý khi nội kiểm không đạt. Phiếu kết quả phải thể hiện tên xét nghiệm, đơn vị tính, khoảng tham chiếu, phương pháp xét nghiệm hoặc ký hiệu phương pháp phù hợp và nhận diện bất thường khi có.	1

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
5	Hệ thống xét nghiệm miễn dịch hoặc phương án xét nghiệm miễn dịch hợp pháp: Có máy miễn dịch tự động hoặc bán tự động; hoặc có hợp đồng nguyên tắc/thỏa thuận hợp pháp với phòng xét nghiệm đủ điều kiện để thực hiện các xét nghiệm AFP, CA 15-3, CA 125 theo danh mục khám đã được phê duyệt. Trường hợp gửi mẫu đến phòng xét nghiệm hợp tác, nhà thầu chính vẫn chịu trách nhiệm toàn bộ về lấy mẫu, nhận điện mẫu, bảo quản, vận chuyển, truy xuất mẫu, kiểm soát chất lượng và thời hạn trả kết quả.	01 hệ thống hoặc 01 phương án xét nghiệm hợp pháp
6	Máy phân tích nước tiểu bằng que thử 10 thông số hoặc tương đương: Phân tích được tối thiểu các chỉ số glucose, bilirubin, ketone, tỷ trọng, máu, pH, protein, urobilinogen, nitrite và bạch cầu. Có quy trình lấy mẫu, bảo quản, đọc và trả kết quả. Máy có khả năng hiển thị, in hoặc xuất kết quả.	1
7	Máy phân tích tế bào máu ngoại vi tự động: Thực hiện tổng phân tích tế bào máu ngoại vi với tối thiểu 18 thông số; phân loại bạch cầu tối thiểu 03 thành phần hoặc cao hơn; có các thông số cơ bản gồm WBC, RBC, HGB, HCT, MCV, MCH, MCHC, RDW, PLT, MPV và các chỉ số liên quan. Có nội kiểm chất lượng hằng ngày, cảnh báo kết quả bất thường, cảnh báo lỗi kỹ thuật, thiếu hóa chất hoặc yêu cầu kiểm tra lại mẫu. Công suất phải đáp ứng khối lượng mẫu của tối thiểu 299 người và bảo đảm thời hạn trả kết quả theo yêu cầu của gói thầu.	1
8	Máy soi cổ tử cung: Có nguồn sáng LED hoặc tương đương, ánh sáng rõ và điều chỉnh được; có độ phóng đại phù hợp để quan sát cổ tử cung; có bộ lọc xanh lá hoặc chức năng tương đương hỗ trợ quan sát hệ thống mạch máu; hình ảnh màu rõ; có khả năng quan sát trực tiếp trên màn hình hoặc qua thị kính. Trường hợp có chức năng lưu ảnh, nhà thầu phải bảo đảm lưu ảnh đúng người được khám và bảo mật dữ liệu. Bộ trí đầy đủ mô vệt vô khuẩn hoặc dùng một lần, găng, dung dịch acid acetic, dung dịch Lugol khi thực hiện theo quy trình trình chuyên môn, vật tư làm sạch và phương tiện bảo đảm riêng tư.	1
9	Cân sức khỏe người lớn có thước đo chiều cao tích hợp hoặc cân và thước đo chiều cao độc lập: Cân có tải trọng tối đa tối thiểu 200 kg, độ chia không lớn hơn 0,1 kg, mặt bàn cân chắc chắn, chống trơn trượt, hiển thị hoặc mặt số rõ ràng, dễ đọc. Thước đo chiều cao có phạm vi đo tối thiểu từ 60 cm đến 210 cm, độ chia không lớn hơn 0,1 cm, có thanh chặn đầu nằm ngang, kết cấu chắc chắn, bảo đảm đo chính xác khi người lao động đứng thẳng trên mặt phẳng ổn định. Cân có tem kiểm định hoặc giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực theo quy định; thước đo chiều cao có tài liệu kỹ thuật hoặc hồ sơ kiểm tra, hiệu chuẩn phù hợp.	1

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
10	Huyết áp kế cơ: Dùng để đo huyết áp không xâm lấn bằng phương pháp nghe; có phạm vi đo từ 0 đến tối thiểu 300 mmHg; vạch chia không lớn hơn 2 mmHg; độ chính xác theo công bố của nhà sản xuất không vượt quá ± 3 mmHg hoặc tương đương. Thiết bị có đầy đủ vòng bít, bóng bóp, van xả khí, dây dẫn khí và ống nghe; có tối thiểu vòng bít cỡ người lớn tiêu chuẩn và cỡ lớn. Thiết bị hoạt động ổn định, không rò khí, không hư hỏng, có tem kiểm định hoặc giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực theo quy định về đo lường.	2

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chỉ tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chỉ tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chỉ tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chỉ tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chỉ tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

STT	Tiêu chí tổng quát, tiêu chí chỉ tiết	Tính chất tiêu chí	Yêu cầu tối thiểu để đánh giá Đạt	Kết quả đánh giá
1	Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ khám sức khỏe	Tổng quát	Đạt khi các tiêu chí chỉ tiết cơ bản đều đạt và tiêu chí không cơ bản đạt hoặc chấp nhận được	Đạt/Không đạt
1.1	Đáp ứng đầy đủ phạm vi dịch vụ khám sức khỏe theo Chương IV	Cơ bản	Nhà thầu cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung khám sức khỏe cho lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và khám chuyên đề phụ nữ theo danh mục yêu cầu của HSYC; không bỏ sót hạng mục khám, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng đã nêu trong phạm vi gói thầu.	Đạt/Không đạt
1.2	Tổ chức quy trình khám khoa học, thuận tiện	Cơ bản	Có phương án bố trí dây chuyền khám hợp lý, gồm tiếp đón, kiểm tra thông tin, khám lâm sàng, cận lâm sàng, lấy mẫu xét nghiệm, siêu âm, điện tim, X-quang nếu có, khám chuyên khoa và kết luận phân loại sức khỏe.	Đạt/Không đạt
1.3	Bảo đảm chất lượng kết quả khám	Cơ bản	Có phương án kiểm soát chất lượng trong quá trình khám, lấy mẫu, bảo quản mẫu, thực hiện xét nghiệm, đọc kết quả và kết luận; có bác sĩ chịu	Đạt/Không đạt

STT	Tiêu chí tổng quát, tiêu chí chi tiết	Tính chất tiêu chí	Yêu cầu tối thiểu để đánh giá Đạt	Kết quả đánh giá
			trách nhiệm chuyên môn đối với kết quả khám.	
1.4	Giảm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty	Không cơ bản	Có phương án chia ca, chia nhóm khám hợp lý, hạn chế tập trung đông người, hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, điều hành của các phòng, phân xưởng, công trường.	Đạt/Chấp nhận được/Không đạt
2	Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc	Tổng quát	Đạt khi các tiêu chí chi tiết cơ bản đều đạt và tiêu chí không cơ bản đạt hoặc chấp nhận được	Đạt/Không đạt
2.1	Hiểu đúng mục tiêu của gói thầu	Cơ bản	Nhà thầu xác định đúng mục tiêu gói thầu là khám, đánh giá, phân loại sức khỏe người lao động; phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp, bệnh thông thường, bệnh cần theo dõi; tư vấn sức khỏe và phục vụ công tác quản lý sức khỏe người lao động của Công ty.	Đạt/Không đạt
2.2	Hiểu đặc điểm lao động của Công ty cổ phần 397	Cơ bản	Có nhận diện đặc điểm lao động trong doanh nghiệp khai thác, chế biến than lộ thiên, gồm lái xe, lái máy, lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân, nhân viên văn phòng, lực lượng phục vụ, bảo vệ và các nhóm lao động có yếu tố nguy cơ nghề nghiệp.	Đạt/Không đạt
2.3	Hiểu yêu cầu khám chuyên biệt theo từng nhóm đối tượng	Cơ bản	Phân biệt được yêu cầu khám đối với lao động nặng nhọc, nhân viên nuôi quân và chuyên đề phụ nữ; có bố trí chuyên khoa, cận lâm sàng, tư vấn phù hợp với từng nhóm.	Đạt/Không đạt
2.4	Có đề xuất tư vấn sau khám phù hợp	Không cơ bản	Có nội dung tư vấn sức khỏe, khuyến nghị theo dõi, điều trị, chuyển tuyến hoặc khám chuyên khoa khi phát hiện bất thường.	Đạt/Chấp nhận được/Không đạt
3	Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ	Tổng quát	Đạt khi các tiêu chí chi tiết cơ bản đều đạt và tiêu chí không cơ bản đạt hoặc chấp nhận được	Đạt/Không đạt

STT	Tiêu chí tổng quát, tiêu chí chi tiết	Tính chất tiêu chí	Yêu cầu tối thiểu để đánh giá Đạt	Kết quả đánh giá
3.1	Kế hoạch thực hiện phù hợp với yêu cầu của Công ty	Cơ bản	Có kế hoạch triển khai cụ thể về thời gian, địa điểm, số lượng người khám dự kiến, nhân sự tham gia, thiết bị huy động, trình tự thực hiện và phương án phối hợp với đầu mối của Công ty.	Đạt/Không đạt
3.2	Bố trí nhân sự chuyên môn phù hợp	Cơ bản	Có danh sách nhân sự tham gia thực hiện gói thầu gồm bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên xét nghiệm, kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh, nhân viên nhập liệu/hành chính; nhân sự có trình độ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề hoặc giấy tờ hành nghề phù hợp theo quy định.	Đạt/Không đạt
3.3	Bố trí thiết bị y tế phù hợp	Cơ bản	Có khả năng huy động thiết bị phục vụ khám như máy siêu âm, máy điện tim, thiết bị xét nghiệm sinh hóa máu, thiết bị xét nghiệm nước tiểu, phương tiện hoặc thiết bị chụp X-quang lưu động nếu danh mục khám có yêu cầu; thiết bị bảo đảm tình trạng hoạt động, kiểm định/hiệu chuẩn/bảo dưỡng theo quy định hoặc theo khuyến cáo của nhà sản xuất.	Đạt/Không đạt
3.4	Phương án xử lý tình huống phát sinh	Không cơ bản	Có phương án xử lý các tình huống như: Người lao động đến khám không đúng lịch, cần lấy lại mẫu, kết quả nghi ngờ bất thường, các tình huống bất thường như ngất, phản ứng khi lấy máu, phát hiện bệnh lý cấp tính, cần khám chuyên sâu, sự cố thiết bị, sự cố an toàn bức xạ, nhầm mẫu hoặc sai/thiếu thông tin cá nhân.	Đạt/Chấp nhận được/Không đạt
4	Mức độ đáp ứng hệ thống bảo đảm chất lượng và phương pháp thực hiện	Tổng quát	Đạt khi các tiêu chí chi tiết cơ bản đều đạt và tiêu chí không cơ bản đạt hoặc chấp nhận được	Đạt/Không đạt
4.1	Có quy trình chuyên môn về khám sức khỏe	Cơ bản	Có quy trình tiếp nhận, khám lâm sàng, cận lâm sàng, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, kết luận, phân loại sức khỏe và trả kết quả; có phân công trách nhiệm rõ ràng trong từng khâu.	Đạt/Không đạt
4.2	Bảo đảm kiểm soát chất lượng xét	Cơ bản	Có biện pháp kiểm soát chất lượng lấy mẫu, vận chuyển, bảo quản mẫu,	Đạt/Không đạt

STT	Tiêu chí tổng quát, tiêu chí chi tiết	Tính chất tiêu chí	Yêu cầu tối thiểu để đánh giá Đạt	Kết quả đánh giá
	nghiệm, chẩn đoán		thực hiện xét nghiệm, in/trả kết quả; kết quả xét nghiệm, siêu âm, điện tim, X-quang nếu có phải được người có chuyên môn phù hợp ký xác nhận.	
4.3	Bảo mật thông tin sức khỏe người lao động	Cơ bản	Có cam kết bảo mật thông tin sức khỏe cá nhân; chỉ cung cấp kết quả tổng hợp, hồ sơ cá nhân và dữ liệu liên quan cho đúng đối tượng, đúng phạm vi được Công ty yêu cầu.	Đạt/Không đạt
4.4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kết quả	Không cơ bản	Có khả năng tổng hợp dữ liệu, xuất danh sách, báo cáo tổng hợp, phân loại sức khỏe bằng bản giấy và/hoặc bản điện tử phục vụ quản lý sức khỏe người lao động.	Đạt/Chấp nhận được/Không đạt
5	Mức độ đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ và sản phẩm đầu ra	Tổng quát	Đạt khi các tiêu chí chi tiết cơ bản đều đạt và tiêu chí không cơ bản đạt hoặc chấp nhận được	Đạt/Không đạt
5.1	Hồ sơ khám sức khỏe cá nhân	Cơ bản	Bản giao đầy đủ hồ sơ khám sức khỏe cá nhân theo mẫu, có thông tin người lao động, kết quả khám lâm sàng, cận lâm sàng, kết luận, phân loại sức khỏe, chữ ký của bác sĩ và xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh theo quy định.	Đạt/Không đạt
5.2	Báo cáo tổng hợp kết quả khám sức khỏe	Cơ bản	Có báo cáo tổng hợp kết quả khám theo đơn vị/phòng ban/phân xưởng/nhóm đối tượng; thống kê phân loại sức khỏe; danh sách người cần theo dõi, khám lại, chuyển khám chuyên khoa hoặc điều trị.	Đạt/Không đạt
5.3	Trả kết quả đúng thời hạn	Cơ bản	Cam kết thời hạn trả kết quả cá nhân và báo cáo tổng hợp theo yêu cầu trong HSYC/hợp đồng; trường hợp có mẫu xét nghiệm hoặc kết quả cần kiểm tra lại phải thông báo rõ cho Công ty.	Đạt/Không đạt
5.4	Tư vấn, giải thích kết quả sau khám	Không cơ	Có phương án tư vấn trực tiếp hoặc bằng văn bản đối với các trường hợp phát hiện bất thường, bệnh lý cần theo dõi hoặc nguy cơ sức khỏe nghề	Đạt/Chấp nhận

STT	Tiêu chí tổng quát, tiêu chí chi tiết	Tính chất tiêu chí	Yêu cầu tối thiểu để đánh giá Đạt	Kết quả đánh giá
		bản	nghiệp.	được/Không đạt
6	Tiến độ thực hiện gói thầu	Tổng quát	Đạt khi các tiêu chí chi tiết cơ bản đều đạt và tiêu chí không cơ bản đạt hoặc chấp nhận được	Đạt/Không đạt
6.1	Thời gian tổ chức khám	Cơ bản	Thời gian tổ chức khám phù hợp với kế hoạch của Công ty; có khả năng triển khai trong khoảng thời gian do Công ty yêu cầu và không kéo dài bất hợp lý.	Đạt/Không đạt
6.2	Tiến độ trả kết quả	Cơ bản	Có tiến độ trả kết quả khám cá nhân, kết quả xét nghiệm, kết quả cận lâm sàng và báo cáo tổng hợp rõ ràng; đáp ứng thời hạn yêu cầu tại Chương IV.	Đạt/Không đạt
6.3	Tiến độ xử lý các trường hợp cần bổ sung, khám lại	Cơ bản	Có phương án hẹn khám lại, bổ sung xét nghiệm, kiểm tra lại thông tin hoặc điều chỉnh sai sót hồ sơ trong thời gian hợp lý.	Đạt/Không đạt
6.4	Khả năng điều chỉnh lịch khám khi Công ty có yêu cầu	Không cơ bản	Có khả năng phối hợp điều chỉnh lịch khám theo ca, kíp, đơn vị sản xuất khi Công ty có yêu cầu chính đáng.	Đạt/Chấp nhận được/Không đạt
7	Bảo đảm vệ sinh môi trường, phòng chống nhiễm khuẩn, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy	Tổng quát	Đạt khi các tiêu chí chi tiết cơ bản đều đạt và tiêu chí không cơ bản đạt hoặc chấp nhận được	Đạt/Không đạt
7.1	Bảo đảm vệ sinh, phòng chống nhiễm khuẩn	Cơ bản	Có biện pháp vệ sinh khu vực khám, khử khuẩn dụng cụ, sử dụng vật tư tiêu hao an toàn, phòng chống lây nhiễm trong quá trình khám, lấy mẫu, thực hiện kỹ thuật.	Đạt/Không đạt
7.2	Quản lý chất thải y tế phát sinh	Cơ bản	Có phương án thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải y tế phát sinh trong quá trình khám theo quy định; không để ảnh hưởng đến môi	Đạt/Không đạt

STT	Tiêu chí tổng quát, tiêu chí chi tiết	Tính chất tiêu chí	Yêu cầu tối thiểu để đánh giá Đạt	Kết quả đánh giá
			trường làm việc của Công ty.	
7.3	Bảo đảm an toàn khi sử dụng thiết bị y tế, X-quang lưu động nếu có	Cơ bản	Có biện pháp bảo đảm an toàn điện, an toàn bức xạ nếu sử dụng thiết bị X-quang, an toàn vận hành thiết bị và bảo vệ người lao động, nhân viên y tế trong quá trình thực hiện.	Đạt/Không đạt
7.4	Bảo đảm trật tự, an toàn tại khu vực khám	Không cơ bản	Có phương án bố trí lối đi, khu chờ, khu khám, hướng dẫn người lao động, tránh ùn ứ, mất trật tự, bảo đảm an toàn chung tại địa điểm khám.	Đạt/Chấp nhận được/Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

1. Xác định giá đề nghị chỉ định thầu¹:

Bước 1: Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định (nếu có);

- Kiểm tra đơn đề xuất chỉ định thầu, bảng giá dự thầu, bảng tổng hợp giá, đơn giá chi tiết từng danh mục khám, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng và các chi phí liên quan khác.

- Nội dung kiểm tra gồm: giá dự thầu ghi bằng số và bằng chữ; sự phù hợp giữa đơn giá, số lượng và thành tiền; việc chào giá đầy đủ cho toàn bộ danh mục công việc theo yêu cầu của HSYC; thư giảm giá nếu có; các điều kiện kèm theo giá dự thầu nếu có; việc bao gồm thuế, phí, lệ phí và các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu.

Bước 2: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

- Trường hợp hồ sơ đề xuất có lỗi số học, sai khác giữa đơn giá và thành tiền, sai khác giữa giá ghi bằng số và giá ghi bằng chữ, chào thiếu hoặc chào thừa hạng mục so với yêu cầu của HSYC thì thực hiện sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định tại HSYC.

- Trường hợp nhà thầu không chào giá cho một hoặc một số hạng mục bắt buộc trong phạm vi gói thầu thì được xem xét là chào thiếu; việc xử lý thực hiện theo quy định về sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và không được làm thay đổi bản chất của hồ sơ đề xuất.

- Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch = Giá dự thầu ghi trong đơn đề xuất $\pm$ Giá trị sửa lỗi $\pm$ Giá trị hiệu chỉnh sai lệch.

- Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá hợp lệ, giá trị giảm giá được trừ khỏi giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch để xác định giá đề nghị chỉ định thầu.

- Giá đề nghị chỉ định thầu = Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch - Giá trị giảm giá nếu có.

¹ áp dụng đối với trường hợp gửi HSYC cho một nhà thầu

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ XUẤT CHỈ ĐỊNH THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
Kính gửi: _____ [Ghi tên chủ đầu tư]

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]. Thời gian thực hiện gói thầu là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu].

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là ____ ngày [Ghi số ngày], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi ngày có thời điểm đóng thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Tuân thủ hoàn toàn Quy định lựa chọn Nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần 397 và các văn bản hướng dẫn hiện hành đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần 397 khi tham dự gói thầu này;

2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu⁽²⁾.

8. Những thông tin kê khai trong HSĐX là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, HSĐX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____
 Tôi là ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*Ghi tên chủ đầu tư*] tổ chức:

- [- Ký đơn đề xuất chỉ định thầu;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;
- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;
- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được chỉ định thầu.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền
 [*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*]

Người ủy quyền
 [*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho chủ đầu tư cùng với đơn đề xuất chỉ định thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: _____ [*Ghi tên gói thầu*]

Thuộc: ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*]

- Căn cứ⁽²⁾ _____;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ngày được ghi trên HSYC*];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu [*Ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [*Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [*Ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Ký đơn đề xuất chỉ định thầu;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;
- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;
- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc từng thành viên đảm nhận trong liên danh như sau⁽⁴⁾:

Stt	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhà thầu liên danh không được chỉ định thầu;
- Hủy thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền

BẢNG GIÁ DỰ THẦU VÀ TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ yêu cầu cung cấp theo Bảng sau:

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A	LAO ĐỘNG NẶNG NHỌC								
I	Khám toàn diện								
1	Khám sức khỏe thể chất toàn diện lao động, khám sức khỏe định kỳ	Khám lâm sàng	254	Người	Công ty cổ phần 397	1 ngày			
II	Xét nghiệm huyết học:								
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bảng máy đếm laser)	Phát hiện sớm các bệnh lý liên quan đến cơ quan tạo máu.	254	Lần	Công ty cổ phần 397	7 ngày			
2	Định nhóm máu hệ ABO (xét nghiệm nhóm máu) (kỹ thuật phiên đá)	Xác định nhóm máu	254	Lần	Công ty cổ phần 397	7 ngày			
III	Xét nghiệm sinh hóa máu:								

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mỗi mẫu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Định lượng Glucose (Đường máu).	Xác định lượng đường trong máu.	254	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
2	Định lượng Urê [Máu]	Chức năng thận	254	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
3	Định lượng Creatinin [Máu]	Chức năng thận	254	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
4	Định lượng Acid Uric [Máu]	Phát hiện bệnh gút	254	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
5	Định lượng Cholesterol toàn phần [Máu]	Xác định lượng mỡ trong máu.	254	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
6	Định lượng Triglycerid [Máu]	Xác định lượng mỡ trong máu.	254	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
7	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Xác định lượng mỡ trong máu.	254	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
8	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Xác định lượng mỡ trong máu.	254	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
9	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Đánh giá chức năng gan.	254	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
10	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Đánh giá chức năng gan.	254	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mới thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
IV	Xét nghiệm nước tiểu:								
1	Tổng phân tích nước tiểu (10 chỉ số bằng máy).	Phát hiện sớm các bệnh lý đường tiết niệu	254	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
V	Các thăm dò chức năng:								
1	Điện tim thường	Phát hiện các bệnh lý về tim mạch.	254	Lần	Công ty cổ phần 397	1 ngày			
2	Chụp X-quang kỹ thuật số ngực thẳng (tim phổi thẳng kỹ thuật số) 1 vị trí	Phát hiện các bệnh lý về phổi	254	Lần	Công ty cổ phần 397	1 ngày			
3	Siêu âm ổ bụng (Gan, Mật, Lách, Tụy, Thận, Tiền liệt tuyến, Tử cung, Buồng trứng)	Phát hiện các bệnh lý của các cơ quan trong ổ bụng	254	Lần	Công ty cổ phần 397	1 ngày			
VI	Chẩn đoán ung thư sớm:								
1	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	Phát hiện sớm ung thư gan	254	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
B	CHUYÊN ĐỀ PHỤ NỮ								
I	Khám toàn diện								
1	Khám sức khỏe thể chất toàn diện lao động, khám sức khỏe định kỳ	Khám lâm sàng	36	Người	Cơ sở y tế	1 ngày			

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mỗi thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
II Xét nghiệm huyết học:									
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Phát hiện sớm các bệnh lý liên quan đến cơ quan tạo máu.	36	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
2	Định nhóm máu hệ ABO (xét nghiệm nhóm máu) (kỹ thuật phiên đá)	Xác định nhóm máu	36	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
III Xét nghiệm sinh hóa máu:									
1	Định lượng Glucose (Đường máu).	Xác định lượng đường trong máu.	36	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
2	Định lượng Urê [Máu]	Chức năng thận	36	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
3	Định lượng Creatinin [Máu]	Chức năng thận	36	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
4	Định lượng Acid Uric [Máu]	Phát hiện bệnh gút	36	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
5	Định lượng Cholesterol toàn phần [Máu]	Xác định lượng mỡ trong máu.	36	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
6	Định lượng Triglycerid [Máu]	Xác định lượng mỡ trong máu.	36	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mỗi mẫu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
7	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Xác định lượng mỡ trong máu.	36	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
8	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Xác định lượng mỡ trong máu.	36	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
9	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Đánh giá chức năng gan.	36	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
10	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Đánh giá chức năng gan.	36	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
IV	Xét nghiệm nước tiểu:								
1	Tổng phân tích nước tiểu (10 chỉ số bằng máy).	Phát hiện sớm các bệnh lý đường tiết niệu	36	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
V	Các thăm dò chức năng:								
1	Điện tim thường	Phát hiện các bệnh lý về tim mạch.	36	Lần	Cơ sở y tế	1 ngày			
2	Chụp X-quang kỹ thuật số ngực thẳng (tim phổi thẳng kỹ thuật số) 1 vị trí	Phát hiện các bệnh lý về phổi	36	Lần	Cơ sở y tế	1 ngày			
3	Siêu âm ổ bụng (Gan, Mật, Lách, Tụy, Thận, Tiền liệt tuyến, Tử cung, Buồng trứng)	Phát hiện các bệnh lý của các cơ quan trong ổ bụng	36	Lần	Cơ sở y tế	1 ngày			

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mỗi thẫu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	Siêu âm tuyến vú 2 bên.	Phát hiện các bệnh lý tuyến vú	36	Lần	Cơ sở y tế	1 ngày			
5	Soi cổ tử cung (bằng máy soi màu).	Phát hiện các bệnh lý phụ khoa	36	Lần	Cơ sở y tế	1 ngày			
VI	Chẩn đoán ung thư sớm:								
1	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu]	Phát hiện sớm ung thư vú.	36	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
2	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]	Phát hiện sớm ung thư buồng trứng.	36	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
C	NHÂN VIÊN NUÔI QUẢN								
I	Khám toàn diện								
1	Khám sức khỏe thể chất toàn diện lao động, khám sức khỏe định kỳ	Khám lâm sàng	9	Người	Công ty cổ phần 397	1 ngày			
II	Xét nghiệm huyết học:								
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Phát hiện sớm các bệnh lý liên quan đến cơ quan tạo máu.	9	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
2	Định nhóm máu hệ ABO (xét nghiệm nhóm máu) (kỹ thuật phiên đá)	Xác định nhóm máu	9	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mỗi mẫu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
III	Xét nghiệm sinh hóa máu:								
1	Định lượng Glucose (Đường máu).	Xác định lượng đường trong máu.	9	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
2	Định lượng Urê [Máu]	Chức năng thận	9	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
3	Định lượng Creatinin [Máu]	Chức năng thận	9	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
4	Định lượng Acid Uric [Máu]	Phát hiện bệnh gút	9	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
5	Định lượng Cholesterol toàn phần [Máu]	Xác định lượng mỡ trong máu.	9	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
6	Định lượng Triglycerid [Máu]	Xác định lượng mỡ trong máu.	9	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
7	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Xác định lượng mỡ trong máu.	9	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
8	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Xác định lượng mỡ trong máu.	9	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
9	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Đánh giá chức năng gan.	9	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mỗi mẫu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
10	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Đánh giá chức năng gan.	9	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
IV Xét nghiệm nước tiểu:									
1	Tổng phân tích nước tiểu (10 chỉ số bằng máy).	Phát hiện sớm các bệnh lý đường tiết niệu	9	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
V Các thăm dò chức năng:									
1	Điện tim thường	Phát hiện các bệnh lý về tim mạch.	9	Lần	Công ty cổ phần 397	1 ngày			
2	Chụp X-quang kỹ thuật số ngực thẳng (tim phổi thẳng kỹ thuật số) 1 vị trí	Phát hiện các bệnh lý về phổi	9	Lần	Công ty cổ phần 397	1 ngày			
3	Siêu âm ổ bụng (Gan, Mật, Lách, Tụy, Thận, Tiền liệt tuyến, Tử cung, Buồng trứng)	Phát hiện các bệnh lý của các cơ quan trong ổ bụng	9	Lần	Công ty cổ phần 397	1 ngày			
VI Xét nghiệm vi sinh:									
3	HAV Ab test nhanh	Phát hiện viêm gan A	15	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
7	Soi phân tìm trứng giun, sán (Trứng giun soi tập trung)	Tìm trứng giun, sán trong phân	15	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
8	Vi khuẩn nhuộm soi (Xét nghiệm đờm tìm BK)	Tìm trực khuẩn lao.	15	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mới thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
VII	Chẩn đoán ung thư sớm:								
1	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	Phát hiện sớm ung thư gan	9	Lần	Công ty cổ phần 397 và Cơ sở y tế	7 ngày			
	TỔNG CỘNG (kết chuyển vào giá dự thầu trong đơn đề xuất)								

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5), (6), (7) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(8): Nhà thầu điền.

(9), (10): Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: _____
 Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]</i> :
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: ____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC. Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu của HSYC, chủ đầu tư cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự chủ chốt để đáp ứng yêu cầu của HSYC. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì HSĐX bị loại. Trường hợp nhà thầu kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận, không được thay thế nhân sự và bị loại.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Thông tin về lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong HSĐX]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2	.	
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng động	Địa chỉ của người sử dụng động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu trong HSDX

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/dự toán mua sắm/Chức vụ/Hợp đồng/Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu. Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu.

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị thi công chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong HSDX không đáp ứng yêu cầu của HSYC, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của HSYC. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSDX thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, HSDX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận và bị xử lý theo quy định.

STT	Thông tin thiết bị								Hiện trạng		
	Loại thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)	Công suất	Năm sản xuất	Tính năng	Xuất xứ	Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)	Địa điểm hiện tại của thiết bị	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	Nguồn thiết bị (Sở hữu của nhà thầu/đi thuê/cho thuê/chế tạo đặc biệt)
1											
2											
...											

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu					Thỏa thuận
Loại thiết bị	Tên chủ sở hữu	Địa chỉ chủ sở hữu	Số điện thoại	Số Fax	Telex

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định khoản 2.1 Mục 2 Chương II

☐ Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

☐ Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và HSDX của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp HSYC có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm các tài liệu này trong HSYC.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ (nếu có) ⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư.

(3) Ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Ghi cụ thể khối lượng công việc.

(5) Ghi giá trị % công việc ước tính mà từng nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận sử dụng nhà thầu phụ và phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Phạm vi cung cấp và kế hoạch thực hiện gói thầu

1. Phạm vi cung cấp

Nhà thầu cung cấp dịch vụ khám sức khỏe, xét nghiệm và cận lâm sàng theo danh mục, khối lượng mời thầu dưới đây. Khối lượng mời thầu là khối lượng dự kiến để nhà thầu lập HSDX; khi thực hiện hợp đồng, khối lượng thực tế căn cứ danh sách người lao động do Chủ đầu tư xác nhận.

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng mời thầu	Mô tả dịch vụ	Yêu cầu kết quả đầu ra	Ghi chú
1	Khám sức khỏe cho lao động nặng nhọc	Người	254	Khám lâm sàng, xét nghiệm, cận lâm sàng, chẩn đoán sớm theo danh mục	Hồ sơ khám, kết quả từng người, phân loại sức khỏe	Theo danh sách Chủ đầu tư
2	Khám sức khỏe chuyên đề phụ nữ	Người	36	Khám sức khỏe tổng quát, kèm nội dung chuyên khoa phụ sản, tuyến vú, chỉ dấu ung thư liên quan	Hồ sơ khám, kết quả chuyên đề phụ nữ, tư vấn/khuyến nghị	Áp dụng cho lao động nữ theo danh sách
3	Khám cho nhân viên nuôi quân	Người	09 khám chung; 15 xét nghiệm vi sinh	Khám sức khỏe theo danh mục và xét nghiệm vi sinh/ký sinh trùng phục vụ yêu cầu an toàn thực phẩm	Hồ sơ khám, kết quả xét nghiệm vi sinh, kết luận/khuyến nghị	Khối lượng xét nghiệm vi sinh theo danh sách riêng

Bảng chi tiết phạm vi cung cấp theo từng nhóm đối tượng:

A. LAO ĐỘNG NĂNG NHỎ

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng mỗi đầu	Mô tả dịch vụ / dẫn chiếu	Yêu cầu kết quả đầu ra	Ghi chú
Khám toàn diện						
1	Khám sức khỏe thể chất toàn diện lao động, khám sức khỏe định kỳ	Người	254	Khám lâm sàng. Dẫn chiếu Mục 2.3.2 và 2.3.5	Sổ khám sức khỏe định kỳ; kết luận của bác sĩ; phân loại sức khỏe; chỉ định/khuyến nghị nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
Xét nghiệm huyết học						
2	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bảng máy đếm laser)	Lần	254	Phát hiện sớm các bệnh lý liên quan đến cơ quan tạo máu... Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
3	Định nhóm máu hệ ABO (xét nghiệm nhóm máu) (kỹ thuật phiên đá)	Lần	254	Xác định nhóm máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.4 và 2.3.6	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
Xét nghiệm sinh hóa máu						
4	Định lượng Glucose (Đường máu).	Lần	254	Xác định lượng đường trong máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
5	Định lượng Urê [Máu]	Lần	254	Chức năng thận. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
6	Định lượng Creatinin [Máu]	Lần	254	Chức năng thận. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng mỗi mẫu	Mô tả dịch vụ / dẫn chiếu	Yêu cầu kết quả đầu ra	Ghi chú
7	Định lượng Acid Uric [Máu]	Lần	254	Phát hiện bệnh gút. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
8	Định lượng Cholesterol toàn phần [Máu]	Lần	254	Xác định lượng mỡ trong máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
9	Định lượng Triglycerid [Máu]	Lần	254	Xác định lượng mỡ trong máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
10	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	254	Xác định lượng mỡ trong máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
11	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	254	Xác định lượng mỡ trong máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
12	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Lần	254	Đánh giá chức năng gan. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
13	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Lần	254	Đánh giá chức năng gan. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
Xét nghiệm nước tiểu						
14	Tổng phân tích nước tiểu (10 chỉ số bằng máy).	Lần	254	Phát hiện sớm các bệnh lý đường tiết niệu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng mỗi mẫu	Mô tả dịch vụ / dẫn chiếu	Yêu cầu kết quả đầu ra	Ghi chú
					nếu có.	
Các thăm dò chức năng						
15	Điện tim thường	Lần	254	Phát hiện các bệnh lý về tim mạch... Dẫn chiếu Mục 2.3.4 và 2.3.5	Phiếu/bản ghi điện tim; kết luận của bác sĩ/nhân sự chuyên môn phù hợp.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
16	Chụp X-quang kỹ thuật số ngực thẳng (tim phổi thẳng kỹ thuật số): 1 vị trí	Lần	254	Phát hiện các bệnh lý về phổi. Dẫn chiếu Mục 2.3.4 và 2.3.5	Kết quả chụp X-quang kỹ thuật số; kết luận chẩn đoán hình ảnh; lưu vết hình ảnh theo quy định.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
17	Siêu âm ổ bụng (Gan, Mật, Lách, Tụy, Thận, Tiền liệt tuyến, Tử cung, Buồng trứng)	Lần	254	Phát hiện các bệnh lý của các cơ quan trong ổ bụng. Dẫn chiếu Mục 2.3.4 và 2.3.5	Phiếu kết quả siêu âm; mô tả tổn thương nếu có; kết luận của bác sĩ chuyên môn.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
Chẩn đoán ung thư sớm						
18	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	Lần	254	Phát hiện sớm ung thư gan. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm dấu ấn ung thư; chỉ số, khoảng tham chiếu; khuyến nghị khi có bất thường.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt

B. CHUYÊN ĐỀ PHỤ NỮ

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng mỗi đầu	Mô tả dịch vụ / dẫn chiếu	Yêu cầu kết quả đầu ra	Ghi chú
Khám toàn diện						
1	Khám sức khỏe thể chất toàn diện lao động, khám sức khỏe định kỳ	Người	36	Khám lâm sàng. Dẫn chiếu Mục 2.3.2 và 2.3.5	Sổ khám sức khỏe định kỳ; kết luận của bác sĩ; phân loại sức khỏe; chỉ định/khuyến nghị nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
Xét nghiệm huyết học						
2	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Lần	36	Phát hiện sớm các bệnh lý liên quan đến cơ quan tạo máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
3	Định nhóm máu hệ ABO (xét nghiệm nhóm máu) (kỹ thuật phiên mã)	Lần	36	Xác định nhóm máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
Xét nghiệm sinh hóa máu						
4	Định lượng Glucose (Đường máu).	Lần	36	Xác định lượng đường trong máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
5	Định lượng Urê [Máu]	Lần	36	Chức năng thận. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
6	Định lượng Creatinin [Máu]	Lần	36	Chức năng thận. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng mỗi mẫu	Mô tả dịch vụ / dẫn chiếu	Yêu cầu kết quả đầu ra	Ghi chú
7	Định lượng Acid Uric [Máu]	Lần	36	Phát hiện bệnh gút. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
8	Định lượng Cholesterol toàn phần [Máu]	Lần	36	Xác định lượng mỡ trong máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
9	Định lượng Triglycerid [Máu]	Lần	36	Xác định lượng mỡ trong máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
10	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	36	Xác định lượng mỡ trong máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
11	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	36	Xác định lượng mỡ trong máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
12	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Lần	36	Đánh giá chức năng gan. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
13	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Lần	36	Đánh giá chức năng gan. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
Xét nghiệm nước tiểu						
14	Tổng phân tích nước tiểu (10 chỉ số bằng máy).	Lần	36	Phát hiện sớm các bệnh lý đường tiết niệu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng mỗi đầu	Mô tả dịch vụ / dẫn chiếu	Yêu cầu kết quả đầu ra	Ghi chú
					nếu có.	
Các thăm dò chức năng						
15	Điện tim thường	Lần	36	Phát hiện các bệnh lý về tim mạch.. Dẫn chiếu Mục 2.3.4 và 2.3.5	Phiếu/bản ghi điện tim; kết luận của bác sĩ/nhân sự chuyên môn phù hợp.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
16	Chụp X-quang kỹ thuật số ngực thẳng (tim phổi thẳng kỹ thuật số): 1 vị trí	Lần	36	Phát hiện các bệnh lý về phổi. Dẫn chiếu Mục 2.3.4 và 2.3.5	Kết quả chụp X-quang kỹ thuật số; kết luận chẩn đoán hình ảnh; lưu vết hình ảnh theo quy định.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
17	Siêu âm ổ bụng (Gan, Mật, Lách, Tụy, Thận, Tiền liệt tuyến, Tử cung, Buồng trứng)	Lần	36	Phát hiện các bệnh lý của các cơ quan trong ổ bụng. Dẫn chiếu Mục 2.3.4 và 2.3.5	Phiếu kết quả siêu âm; mô tả tổn thương nếu có; kết luận của bác sĩ chuyên môn.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
18	Siêu âm tuyến vú 2 bên.	Lần	36	Phát hiện các bệnh lý tuyến vú. Dẫn chiếu Mục 2.3.4 và 2.3.5	Phiếu kết quả siêu âm; mô tả tổn thương nếu có; kết luận của bác sĩ chuyên môn.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
19	Soi cổ tử cung (bằng máy soi màu).	Lần	36	Phát hiện các bệnh lý phụ khoa. Dẫn chiếu Mục 2.3.4 và 2.3.5	Phiếu kết quả soi cổ tử cung; kết luận chuyên khoa phụ sản; khuyến nghị xử trí nếu bất thường.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
Chẩn đoán ung thư sớm						
20	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu]	Lần	36	Phát hiện sớm ung thư vú. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm dấu ấn ung thư; chỉ số, khoảng tham chiếu; khuyến nghị khi có bất thường.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
21	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]	Lần	36	Phát hiện sớm ung thư buồng trứng. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm dấu ấn ung thư; chỉ số, khoảng tham chiếu; khuyến nghị khi có bất thường.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt

C. NHÂN VIÊN NUÔI QUẢN

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng mỗi đầu	Mô tả dịch vụ / dẫn chiếu	Yêu cầu kết quả đầu ra	Ghi chú
Khám toàn diện						
1	Khám sức khỏe thể chất toàn diện lao động, khám sức khỏe định kỳ	Người	9	Khám lâm sàng. Dẫn chiếu Mục 2.3.2 và 2.3.5	Số khám sức khỏe định kỳ; kết luận của bác sĩ; phân loại sức khỏe; chỉ định/khuyến nghị nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
Xét nghiệm huyết học						
2	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Lần	9	Phát hiện sớm các bệnh lý liên quan đến cơ quan tạo máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
3	Định nhóm máu hệ ABO (xét nghiệm nhóm máu) (kỹ thuật phiên mã)	Lần	9	Xác định nhóm máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
Xét nghiệm sinh hóa máu						
4	Định lượng Glucose (Đường máu).	Lần	9	Xác định lượng đường trong máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
5	Định lượng Urê [Máu]	Lần	9	Chức năng thận. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
6	Định lượng Creatinin [Máu]	Lần	9	Chức năng thận. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
7	Định lượng Acid Uric [Máu]	Lần	9	Phát hiện bệnh gút. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng mỗi đầu	Mô tả dịch vụ / dẫn chiếu	Yêu cầu kết quả đầu ra	Ghi chú
					chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	
8	Định lượng Cholesterol toàn phần [Máu]	Lần	9	Xác định lượng mỡ trong máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
9	Định lượng Triglycerid [Máu]	Lần	9	Xác định lượng mỡ trong máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
10	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	9	Xác định lượng mỡ trong máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
11	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	9	Xác định lượng mỡ trong máu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
12	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Lần	9	Đánh giá chức năng gan. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
13	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Lần	9	Đánh giá chức năng gan. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
Xét nghiệm nước tiểu						
14	Tổng phân tích nước tiểu (10 chỉ số bằng máy).	Lần	9	Phát hiện sớm các bệnh lý đường tiết niệu. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm; chỉ số, đơn vị, khoảng tham chiếu; cảnh báo bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
Các thăm dò chức năng						

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng mỗi đầu	Mô tả dịch vụ / dẫn chiếu	Yêu cầu kết quả đầu ra	Ghi chú
15	Điện tim thường	Lần	9	Phát hiện các bệnh lý về tim mạch. Dẫn chiếu Mục 2.3.4 và 2.3.5	Phiếu/bản ghi điện tim; kết luận của bác sĩ/nhân sự chuyên môn phù hợp.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
16	Chụp X-quang kỹ thuật số ngực thẳng (tim phổi thẳng kỹ thuật số): 1 vị trí	Lần	9	Phát hiện các bệnh lý về phổi. Dẫn chiếu Mục 2.3.4 và 2.3.5	Kết quả chụp X-quang kỹ thuật số; kết luận chẩn đoán hình ảnh; lưu vết hình ảnh theo quy định.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
17	Siêu âm ổ bụng (Gan, Mật, Lách, Tụy, Thận, Tiền liệt tuyến, Tử cung, Buồng trứng)	Lần	9	Phát hiện các bệnh lý của các cơ quan trong ổ bụng. Dẫn chiếu Mục 2.3.4 và 2.3.5	Phiếu kết quả siêu âm; mô tả tổn thương nếu có; kết luận của bác sĩ chuyên môn.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
Xét nghiệm vi sinh						
18	HAV Ab test nhanh	Lần	15	Phát hiện viêm gan A. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm vi sinh/ký sinh trùng; kết luận đạt/không đạt hoặc bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
19	Soi phân tim trùng giun, sản (Trùng giun soi tập trung)	Lần	15	Tìm trùng giun, sản trong phân. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm vi sinh/ký sinh trùng; kết luận đạt/không đạt hoặc bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
20	Vi khuẩn nhuộm soi (Xét nghiệm đờm tim BK)	Lần	15	Tìm trực khuẩn lao. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm vi sinh/ký sinh trùng; kết luận đạt/không đạt hoặc bất thường nếu có.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt
Chẩn đoán ung thư sớm						
21	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	Lần	9	Phát hiện sớm ung thư gan. Dẫn chiếu Mục 2.3.3 và 2.3.5	Phiếu kết quả xét nghiệm dấu ấn ung thư; chỉ số, khoảng tham chiếu; khuyến nghị khi có bất thường.	Thực hiện cho đúng nhóm đối tượng trong danh sách được duyệt

2. Kế hoạch thực hiện

Kế hoạch dưới đây là khung yêu cầu tối thiểu để nhà thầu lập tiến độ chi tiết trong HSDX. Thời gian thực hiện chính thức do Chủ đầu tư xác định trong thương thảo, hợp đồng hoặc lịch khám được phê duyệt, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động sản xuất của Công ty cổ phần 397.

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
1	Thống nhất kế hoạch chi tiết, tiếp nhận danh sách người lao động	Gói	01	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi hợp đồng có hiệu lực hoặc theo thông báo của Chủ đầu tư	Kế hoạch tổ chức khám; lịch khám theo ca/kíp; danh sách đối tượng; đầu mối phối hợp; phương án bảo đảm an toàn	Công ty cổ phần 397
2	Chuẩn bị khu vực khám, nhân sự, thiết bị, vật tư, biểu mẫu và phương tiện lưu động	Gói	01	Hoàn thành trước ngày khám chính thức ít nhất 01 ngày hoặc theo lịch được duyệt	Checklist chuẩn bị; sơ đồ dây chuyền khám; phương án tiếp nhận, lấy mẫu, trả kết quả; bố trí xe X-quang lưu động nếu khám tại Công ty	Địa điểm do Công ty cổ phần 397 bố trí hoặc địa điểm hợp pháp khác được chấp thuận
3	Tổ chức khám sức khỏe nhóm lao động nặng nhọc	Người/lượt	254	Theo lịch khám được Chủ đầu tư phê duyệt; có thể chia ca để không ảnh hưởng sản xuất	Hoàn thành khám lâm sàng, xét nghiệm, cận lâm sàng theo danh mục; kiểm soát đủ chữ ký, kết luận chuyên môn	Công ty cổ phần 397 hoặc cơ sở/địa điểm hợp pháp của nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận
4	Tổ chức khám chuyên đề phụ nữ	Người/lượt	36	Thực hiện cùng đợt khám hoặc theo lịch riêng phù hợp với lao động nữ	Kết quả khám phụ sản, tuyến vú, siêu âm/xét nghiệm liên quan; tư vấn chuyên tuyến khi phát hiện bất thường	Công ty cổ phần 397 hoặc cơ sở/địa điểm hợp pháp của nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
5	Tổ chức khám/xét nghiệm bổ sung cho nhân viên nuôi quân	Người/lượt	09 khám chung; 15 xét nghiệm vi sinh	Thực hiện trong đợt khám hoặc theo lịch riêng phục vụ yêu cầu an toàn thực phẩm	Kết quả khám sức khỏe và xét nghiệm vi sinh/ký sinh trùng; kiến nghị quản lý sức khỏe nhân viên nuôi quân	Công ty cổ phần 397 hoặc cơ sở/địa điểm hợp pháp của nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận
6	Tổng hợp kết quả xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng	Bộ hồ sơ	Theo danh mục	Dự kiến trong vòng 05-07 ngày làm việc sau khi kết thúc khám/lấy mẫu, trừ trường hợp phát sinh cần kiểm tra lại	Kết quả từng người đầy đủ, rõ ràng, có đối chiếu thông tin cá nhân và kiểm soát chất lượng	Cơ sở của nhà thầu; bàn giao tại Công ty cổ phần 397
7	Phân loại sức khỏe, lập báo cáo tổng hợp và bàn giao hồ sơ	Bộ	01 bộ đầy đủ	Dự kiến trong vòng 15 ngày làm việc sau khi kết thúc khám hoặc theo thỏa thuận hợp đồng	Danh sách tổng hợp kết quả, phân loại sức khỏe, báo cáo thông kê, kiến nghị quản lý sức khỏe; hồ sơ bản giấy và bản điện tử	Công ty cổ phần 397
8	Hoàn thiện, giải trình, bổ sung hồ sơ nếu có sai sót hoặc thiếu thông tin	Gói	01	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận yêu cầu hợp lệ của Chủ đầu tư	Hồ sơ đã chỉnh sửa/bổ sung; biên bản xác nhận hoàn thành	Công ty cổ phần 397 hoặc qua kênh giao nhận được thống nhất

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm và gói thầu

- Công ty cổ phần 397 là đơn vị có đặc thù khai thác và chế biến than lộ thiên, gồm khối cơ quan, công trường khai thác, phân xưởng vận tải, phân xưởng sửa chữa phục vụ. Người lao động làm việc trong môi trường có yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm như bụi, tiếng ồn, rung, nắng nóng, vận hành xe máy, thiết bị và các nguy cơ nghề nghiệp khác.

- Gói thầu nhằm lựa chọn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ năng lực pháp lý, chuyên môn, nhân sự, thiết bị và phương án tổ chức phù hợp để cung cấp dịch vụ khám sức khỏe năm 2026 cho người lao động của Công ty cổ phần 397.

- Quy mô khối lượng dự kiến: 254 lượt lao động nặng nhọc; 36 lượt khám chuyên đề phụ nữ; 09 lượt nhân viên nuôi quân khám chung và 15 lượt xét nghiệm vi sinh/ký sinh trùng phục vụ yêu cầu an toàn thực phẩm. Khối lượng thực hiện cuối cùng căn cứ danh sách được Chủ đầu tư xác nhận.

- Địa điểm thực hiện: ưu tiên tổ chức tại địa điểm do Công ty cổ phần 397 bố trí để hạn chế ảnh hưởng sản xuất; trường hợp một số kỹ thuật cần thực hiện tại cơ sở của nhà thầu thì phải có phương án di chuyển, tiếp nhận, trả kết quả, bảo đảm an toàn, đúng quy định và được Chủ đầu tư chấp thuận.

2.2. Mục tiêu công việc

- Tổ chức khám sức khỏe cho đúng đối tượng, đúng khối lượng, đúng danh mục kỹ thuật và đúng tiến độ đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

- Đánh giá tình trạng sức khỏe, phát hiện sớm bệnh lý thông thường, bệnh lý liên quan yếu tố nghề nghiệp, nguy cơ tim mạch - chuyển hóa - gan mật - tiết niệu - hô hấp và các vấn đề sức khỏe cần quản lý.

- Thực hiện các nội dung chuyên đề phụ nữ theo danh mục, phục vụ phát hiện sớm bất thường phụ khoa, tuyến vú và các chỉ dấu liên quan theo chỉ định/chuyên môn.

- Thực hiện xét nghiệm bổ sung cho nhân viên nuôi quân nhằm phục vụ yêu cầu quản lý sức khỏe người trực tiếp tham gia chế biến, phục vụ ăn uống và bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Cung cấp hồ sơ sức khỏe, kết quả xét nghiệm/cận lâm sàng, phân loại sức khỏe, báo cáo tổng hợp và kiến nghị quản lý sức khỏe lao động cho Công ty cổ phần 397.

2.3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu

2.3.1. Yêu cầu chung đối với nhà thầu

- Nhà thầu phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc tổ chức có chức năng phù hợp, có giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh còn hiệu lực, phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với các dịch vụ chào thầu.

- Khám tại Công ty cổ phần 397, nhà thầu phải có phương án tổ chức khám ngoài địa điểm ghi trong giấy phép hoạt động theo đúng quy định pháp luật chuyên ngành; bảo đảm điều kiện về nhân lực, thiết bị, kiểm soát nhiễm khuẩn, an toàn người bệnh, an toàn bức xạ, quản lý chất thải y tế, điện, nước, phòng cháy chữa cháy và bảo mật thông tin.

2.3.2. Yêu cầu đối với khám lâm sàng và phân loại sức khỏe

- Khám lâm sàng tổng quát, khai thác tiền sử, đo chỉ số cơ bản và các nội dung cần thiết theo mẫu sổ khám sức khỏe định kỳ hiện hành; bảo đảm đủ chữ ký, họ tên, chức danh và kết luận của người hành nghề có thẩm quyền.

- Kết luận và phân loại sức khỏe phải rõ ràng, thống nhất, có khuyến nghị đối với trường hợp cần khám chuyên khoa sâu, điều trị, theo dõi hoặc xem xét bố trí công việc phù hợp.

- Không ghi kết luận chung chung gây khó sử dụng; trường hợp người lao động chưa hoàn thành đủ danh mục phải ghi rõ nội dung còn thiếu và phương án hoàn thiện.

2.3.3. Yêu cầu đối với xét nghiệm

- Các xét nghiệm huyết học, sinh hóa máu, nước tiểu, dấu ấn ung thư, vi sinh/ký sinh trùng phải được thực hiện bằng thiết bị, hóa chất, sinh phẩm, quy trình kiểm soát chất lượng phù hợp; thiết bị có hồ sơ bảo trì, hiệu chuẩn/kiểm định theo quy định nếu thuộc diện phải kiểm định/hiệu chuẩn.

- Mẫu xét nghiệm phải được nhận diện đúng người, lấy - bảo quản - vận chuyển đúng yêu cầu chuyên môn; hạn chế nhầm lẫn, thất lạc, lẫn mẫu; có sổ hoặc hệ thống theo dõi mẫu.

- Phiếu kết quả phải thể hiện tên xét nghiệm, kết quả, đơn vị đo, khoảng tham chiếu nếu có, ngày thực hiện và chữ ký/xác nhận của người có thẩm quyền.

2.3.4. Yêu cầu đối với cận lâm sàng và chẩn đoán hình ảnh

- Điện tim, siêu âm, X-quang kỹ thuật số ngực thẳng và các kỹ thuật cận lâm sàng khác phải được thực hiện bởi nhân sự đủ điều kiện chuyên môn; kết quả phải có mô tả, kết luận, ngày thực hiện và xác nhận chuyên môn.

- Xe chụp X-quang lưu động hoặc hệ thống X-quang sử dụng tại địa điểm khám phải đáp ứng yêu cầu an toàn bức xạ, che chắn, cảnh báo, khoảng cách an toàn, hồ sơ thiết bị và nhân sự vận hành phù hợp; không làm ảnh hưởng khu vực sản xuất, người lao động và cộng đồng xung quanh.

- Thiết bị siêu âm, điện tim, máy xét nghiệm sinh hóa, huyết học, nước tiểu phải hoạt động ổn định, có khả năng đáp ứng số lượng người khám theo tiến độ; có phương án thiết bị dự phòng hoặc phương án xử lý khi thiết bị hỏng.

2.3.5. Yêu cầu về sản phẩm đầu ra

- Hồ sơ kết quả từng người lao động: sổ khám sức khỏe định kỳ, kết quả xét nghiệm, kết quả chẩn đoán hình ảnh/cận lâm sàng, kết luận, phân loại sức khỏe, khuyến nghị nếu có.

- Báo cáo tổng hợp cho Chủ đầu tư: số lượng người được khám theo từng nhóm, tỷ lệ hoàn thành, tổng hợp phân loại sức khỏe, danh sách trường hợp bất thường cần theo dõi/khám chuyên khoa sâu, kiến nghị quản lý sức khỏe người lao động.

- Bàn giao bản giấy và/hoặc bản điện tử theo yêu cầu của Chủ đầu tư; dữ liệu điện tử nên ở định dạng thông dụng như Excel/PDF, có khả năng tra cứu theo họ tên, đơn vị, nhóm đối tượng, kết luận và phân loại sức khỏe.

- Bảo mật tuyệt đối thông tin sức khỏe cá nhân; chỉ cung cấp kết quả cho người lao động và Chủ đầu tư theo phạm vi được phép; không sử dụng dữ liệu cho mục đích khác.

2.3.6. Yêu cầu về đấu thầu bền vững, an toàn và không hạn chế cạnh tranh

- Yêu cầu kỹ thuật tập trung vào kết quả đầu ra, chất lượng dịch vụ, tính hợp pháp và an toàn; không quy định nhãn hiệu, xuất xứ thiết bị hoặc điều kiện đặc thù gây hạn chế cạnh tranh không cần thiết.

- Khuyến khích nhà thầu sử dụng vật tư, bao bì, biểu mẫu điện tử, phương án giảm rác thải và tối ưu di chuyển nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu chuyên môn, an toàn người khám và bảo mật dữ liệu.

- Mọi tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn yêu cầu của HSYC được xem xét nếu nhà thầu chứng minh được bằng tài liệu hợp lệ.

2.4. Giải pháp và phương pháp luận

- Nhà thầu phải trình bày giải pháp và phương pháp luận tổng quát trong HSDX, tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

- Phân tích yêu cầu gói thầu, đặc thù người lao động khai thác than lộ thiên, vận tải, sửa chữa, nuôi quân và lao động nữ;

- Sơ đồ tổ chức đoàn khám, danh sách nhân sự, phân công nhiệm vụ và đầu mối phối hợp với Chủ đầu tư;

- Quy trình tiếp nhận danh sách, nhận diện người khám, phát số thứ tự, tổ chức dây chuyền khám một chiều, lấy mẫu xét nghiệm, thực hiện cận lâm sàng và kết luận;

- Phương án bố trí thiết bị, xe X-quang lưu động, khu vực khám phụ sản, khu lấy mẫu, khu chờ và khu trả kết quả;

- Kế hoạch kiểm soát chất lượng xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, nhập liệu, đối chiếu thông tin, phê duyệt kết quả và bảo mật dữ liệu;

- Phương án xử lý phát sinh: thiếu người khám, thay đổi lịch sản xuất, người lao động vắng mặt, mẫu không đạt, kết quả bất thường cần xác minh, sự cố thiết bị hoặc sự cố y tế;

- Kế hoạch bàn giao hồ sơ, báo cáo tổng hợp, giải trình kết quả và hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu.

- Kế hoạch công tác do nhà thầu đề xuất phải thể hiện tối thiểu: mốc thời gian chuẩn bị; số ngày khám dự kiến; số lượng người khám/ngày; nhân sự/thiết bị huy động theo từng ngày; thời hạn trả kết quả; thời hạn bàn giao báo cáo tổng hợp.

2.5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

STT	Nội dung kiểm tra/nghiệm thu	Yêu cầu nghiệm thu	Hồ sơ/tài liệu chứng minh
1	Kiểm tra trước khi triển khai	Có kế hoạch khám, danh sách nhân sự, danh mục thiết bị/vật tư, phương án tổ chức và lịch khám được Chủ đầu tư thống nhất	Kế hoạch triển khai; danh sách nhân sự; giấy phép/chứng chỉ; danh mục thiết bị; checklist chuẩn bị
2	Nghiệm thu khối lượng thực hiện	Số lượng người được khám/xét nghiệm đúng danh sách hoặc có xác nhận phát sinh/giảm trừ; không tính khối lượng không thực hiện	Danh sách người khám có xác nhận; bảng đối chiếu khối lượng; phiếu/hồ sơ kết quả
3	Nghiệm thu chất lượng hồ sơ từng người	Hồ sơ đầy đủ thông tin, kết quả, chữ ký/xác nhận chuyên môn, kết luận và phân loại sức khỏe; không sai lệch thông tin cá nhân	Sổ khám sức khỏe; phiếu xét nghiệm; phiếu CDHA/cận lâm sàng; bản điện tử nếu có
4	Nghiệm thu báo cáo tổng hợp	Báo cáo thống kê đầy đủ theo nhóm đối tượng, phân loại sức khỏe, danh sách bất thường cần theo dõi và kiến nghị quản lý sức khỏe	Báo cáo tổng hợp; file Excel/PDF; biên bản bàn giao
5	Xử lý sai sót, bổ sung hồ sơ	Nhà thầu sửa lỗi, bổ sung thông tin hoặc giải trình trong thời hạn nêu tại kế hoạch/hợp đồng khi Chủ đầu tư phát hiện hồ sơ thiếu, sai hoặc chưa rõ	Văn bản/phiếu yêu cầu bổ sung; hồ sơ đã chỉnh sửa; xác nhận hoàn thành
6	Nghiệm thu hoàn thành gói thầu	Hoàn thành toàn bộ dịch vụ, bàn giao đủ hồ sơ, kết quả, báo cáo; các tồn tại đã được khắc phục hoặc có biên bản thống nhất	Biên bản nghiệm thu hoàn thành; biên bản bàn giao hồ sơ; đề nghị thanh toán theo hợp đồng

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại ĐKCT; 1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. "Nhà thầu" là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT; 1.4. "Nhà thầu phụ" là nhà thầu có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do Nhà thầu đề xuất trong HSĐX và được Nhà thầu ký hợp đồng để thực hiện một phần công việc của gói thầu; 1.5. "Tài liệu Hợp đồng" là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. "Ngày" là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch; 1.8. Dịch vụ phi tư vấn là các dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa (máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện vận chuyển, nhà cửa vật kiến trúc,...); dịch vụ kiểm định, kiểm tra thí nghiệm hiệu chỉnh, đào tạo, tham quan, hội nghị, hội thảo, du lịch,...; dịch vụ thuê trụ sở làm việc, máy móc thiết bị, tài sản khác; Thuê dịch vụ khoan nổ mìn, bốc xúc vận chuyển; dịch vụ thuê đường truyền dẫn; dịch vụ bảo hiểm và hoạt động dịch vụ khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định mua sắm thường xuyên; 1.10. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.11. "Địa điểm cung cấp dịch vụ" là địa điểm được quy định tại ĐKCT; 1.12. "Bên" là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu, tùy từng trường hợp.
2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) Biên bản thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

	c) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; d) ĐKCT; e) ĐKC; g) HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu; h) HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.
3. Luật và ngôn ngữ	3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam; 3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Thông báo	4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin. 4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày hai bên thống nhất khi thương thảo hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau: a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu; b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam; c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c Mục này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.. 5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT. 5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng. 5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định

	tại-ĐKCT.
6. Ký hợp đồng thầu phụ	6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDX. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDX hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong HSDX chỉ được thực hiện khi được đơn vị mua sắm, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu. 6.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 6.1 ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại ĐKCT. 6.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDX. 6.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.
7. Phạm vi cung cấp	Dịch vụ phi tư vấn sẽ được cung cấp theo quy định trong HSYC được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó.
8. Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn	Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và thời gian dự kiến hoàn thành phải được thực hiện theo HSDX.
9. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ phi tư vấn trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 7 ĐKC và theo tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và lịch hoàn thành quy định tại Mục 8 ĐKC.
10. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	10.1. Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT. 10.2. Giá hợp đồng được ghi tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng

	theo đúng yêu cầu của gói thầu.
11. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
12. Tạm ứng	12.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng. 12.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.
13. Thanh toán	13.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả dịch vụ đã thực hiện khi đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 13.2. Việc giảm trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ thực hiện theo quy định tại ĐKCT. 13.3. Đồng tiền thanh toán là: VND.
14. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	14.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó. 14.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác

	không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. 14.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 14.1 ĐKC và Mục 14.2 ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. 14.4. Các quy định tại Mục 14 ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ. 14.5. Các quy định tại Mục 14 ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
15. Phạt và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại ĐKCT.
16. Bất khả kháng	16.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. 16.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cân trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế. 16.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu

	chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. 16.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng. 16.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.
17. Sửa đổi hợp đồng	17.1 Việc sửa đổi hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; c) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. 17.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng. 17.3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây: a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết. b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời, nếu có) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư. c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng. 17.4. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây:

	a) Rút ngắn thời gian thực hiện dịch vụ; b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư; c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoặc tính bền vững của dịch vụ; d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư. Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại ĐKCT đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng. Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.
18. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây: a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng; c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư; d) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu; đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu; e) Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT. Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh; trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép
19. Chấm dứt hợp đồng	19.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai

	phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau: (i) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; (ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng; (iii) Nhà thầu bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản; (iv) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 13 Quy định lựa chọn Nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần 397. b) Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 19.1 ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện. c) Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây: - Nếu Chủ đầu tư không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Nhà thầu theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo Mục 22 ĐKC về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Nhà thầu về việc quá hạn thanh toán. - Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, nhà thầu không thể thực hiện được hợp đồng. 19.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.
20. Phát hiện và khắc phục	20.1. Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như quy định tại ĐKCT. Chủ đầu tư

sai sót	có thể hướng dẫn Nhà thầu tự đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Chủ đầu tư cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót được quy định tại ĐKCT. 20.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các sai sót cần khắc phục. Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư quy định trong thông báo. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Chủ đầu tư sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Nhà thầu thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà thầu như quy định tại Mục 15.
21. Nhân sự¹	21.1. Nhà thầu phải huy động tất cả nhân sự như đã đề xuất trong HSĐX để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì Nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó. 21.2. Trường hợp nhân sự mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại ĐKCT, Nhà thầu phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu.
22. Giải quyết tranh chấp	22.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.

¹ Trường hợp gói thầu không yêu cầu nhân sự chủ chốt thì bỏ Mục này

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành HSYC.

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là: Công ty cổ phần 397 Đại diện: Ông Kiều Văn Sính - Chức vụ: Giám đốc Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, P. Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh Điện thoại: 0203.2211.329 Fax: 0203.3871.299 Số tài khoản: 114000142030 – Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chính nhánh Uông Bí. Mã số thuế: 5701435907
ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i> .
ĐKC 1.11	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Công ty cổ phần 397 và cơ sở y tế của nhà thầu.
ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: văn bản hợp đồng; phụ lục hợp đồng; quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; biên bản thương thảo/hoàn thiện hợp đồng (nếu có); HSYC và văn bản làm rõ/sửa đổi; HSDX và tài liệu làm rõ, cam kết của nhà thầu; bảng giá, tiến độ và tài liệu khác được các bên thống nhất.
ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Nguyễn Quang Phong. Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1 - Phường Mạo Khê - Tỉnh Quảng Ninh. Điện thoại: 0982.290.518.
ĐKC 5.2	Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không áp dụng.
ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không yêu cầu.
ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong HSDX]</i> .
ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá hợp đồng.

ĐKC 6.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: - Các công việc có thể sử dụng nhà thầu phụ (nếu được chấp thuận) chỉ giới hạn trong các phần việc mang tính hỗ trợ hoặc chuyên môn kỹ thuật riêng biệt như xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, vận chuyển mẫu, xử lý chất thải y tế hoặc nội dung khác phù hợp với quy định pháp luật và Hồ sơ yêu cầu. - Nhà thầu chính vẫn phải chịu trách nhiệm toàn diện trước Công ty Cổ phần 397 về khối lượng, chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo mật thông tin sức khỏe người lao động và các nghĩa vụ khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện.
ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Cố định cho từng danh mục dịch vụ; đã bao gồm toàn bộ nhân sự, thiết bị, vật tư tiêu hao, hóa chất xét nghiệm, phương tiện, vận chuyển, in ấn hồ sơ, chi phí khám lưu động, thuế, phí và lệ phí. Giá thanh toán căn cứ khối lượng thực tế được nghiệm thu hợp lệ nhân với đơn giá hợp đồng.
ĐKC 11	Điều chỉnh thuế: được phép áp dụng điều chỉnh thuế. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
ĐKC 12.1	Tạm ứng: Không áp dụng
ĐKC 13.1	Phương thức thanh toán: 01 lần bằng chuyển khoản sau khi hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đầy đủ hồ sơ, báo cáo và nhà thầu xuất hóa đơn hợp pháp. Thời hạn thanh toán: trong vòng 60 ngày kể từ khi Bên chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ. Hồ sơ thanh toán gồm đề nghị thanh toán; hóa đơn hợp pháp; biên bản nghiệm thu; báo cáo tổng hợp và tài liệu cần thiết khác.
ĐKC 13.2	Giảm trừ thanh toán: Không áp dụng. Trường hợp hồ sơ, kết quả không đạt yêu cầu, nhà thầu phải khắc phục, thực hiện lại hoặc bổ sung bằng chi phí của mình.
ĐKC 15	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng. Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 ĐKC,

	nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1%/tuần cho mỗi phần giá trị công việc cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến tối đa 5%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 ĐKC. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100 % chi phí cần thiết để khắc phục sai sót. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
ĐKC 17.1(c)	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: chỉ thực hiện khi có nhu cầu khách quan, phù hợp pháp luật, không làm thay đổi bản chất gói thầu và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.
ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 20% giá trị giảm giá hợp đồng.
ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: điều chỉnh lịch khám, tiến độ do yêu cầu sản xuất, sự kiện bất khả kháng hoặc nguyên nhân khách quan, trên cơ sở thống nhất bằng văn bản của các bên.
ĐKC 20.1	Chủ đầu tư kiểm tra theo kế hoạch triển khai, danh sách nhân sự, thiết bị, khối lượng thực hiện, hồ sơ từng người, báo cáo tổng hợp và biên bản bàn giao. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận yêu cầu bằng văn bản/email của Bên A, nhà thầu phải bổ sung, sửa lỗi, hoàn thiện hồ sơ mà không phát sinh chi phí.
ĐKC 21.2	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: chậm nhất 03 kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
ĐKC 22.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 07 ngày làm việc để thương lượng, hòa giải. - Giải quyết tranh chấp: Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giải quyết tranh chấp, hai bên có trách nhiệm tổ chức thương lượng, hòa giải để giải quyết tranh

	chấp. Việc thương lượng, hòa giải phải được lập thành biên bản; trường hợp hòa giải thành, biên bản hòa giải là cơ sở để các bên thực hiện. Nếu không giải quyết được, tranh chấp được giải quyết tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.
--	--

Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số:-----

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc kế hoạch/dự toán: _____ [ghi tên kế hoạch/dự toán]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015);

- Căn cứ Quy định Lựa chọn Nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần 397

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu :

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tên nhà thầu:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____
(trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là cung cấp các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. ĐKCT của hợp đồng;
5. ĐKC của hợp đồng;
6. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại ĐKCT của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại ĐKC và ĐKCT của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

2. Phương thức thanh toán: ____ [ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 13.1 ĐKCT].

Điều 6. Loại hợp đồng: ____ [ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 10.1 ĐKCT].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 8 ĐKC, HSDX và kết quả thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá : ____ [trích xuất theo HSYC] giá hợp đồng.

Điều 9. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ____ bộ, Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu giữ ____ bộ, nhà thầu giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]